

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST

Ngày 30-8-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giàng A Tăng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Tâm và bà Nguyễn Thị Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 93/2023/TLST- HN&GD ngày 01 tháng 6 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lường Thị M**, năm sinh 1995 – vắng mặt.

Địa chỉ: Bản S, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh **Lò Văn Đ**, sinh năm 1993 – vắng mặt.

Địa chỉ: Bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/5/2023, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lường Thị M trình bày:

- Về hôn nhân: Chị M và anh Đ chung sống như vợ chồng năm 2011, đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quài Nưa, huyện Tuần Giáo ngày 31/12/2013, anh chị kết hôn tự nguyện không ai ép buộc hoặc lừa dối. Chị M, anh Đ sống hạnh phúc đến tháng 3 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ khoảng tháng 3 năm 2014 đến nay, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, bỏ mặc cho nhau muốn sống ra sao thì sống. Chị M xác nhận không còn

tình cảm với anh Đ, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn Đ.

- Về con chung: Chị M, anh Đ có 01 người con chung là cháu Lò Thị N, sinh ngày 25/10/2012. Khi ly hôn chị M đề nghị giao cháu Lò Thị N cho anh Lò Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lương Thị M chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* *Bị đơn anh Lò Văn Đ*: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án anh Lò Văn Đ không có ý kiến, không đến Tòa án. Tiến hành xác minh thì anh Lò Văn Đ vắng mặt ở nơi cư trú, đi về thất thường mà không rõ thời điểm trở về (BL 26, 28) nên Tòa án không thực hiện được việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án trực tiếp cho anh Đ. Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho anh Đ. Do anh Đ không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo.

Tại phiên tòa: Chị Lương Thị M vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị M vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện. Anh Lò Văn Đ vắng mặt không có lý do.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn chị Lương Thị M cơ bản đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Lò Văn Đ chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, xử cho chị M được ly hôn với anh Lò Văn Đ.

- Về con chung: Căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị M giao cháu Lò Thị N, sinh ngày 25/10/2012 cho anh Lò Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lương Thị M chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lương Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt nguyên đơn: Chị Lương Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M.

[1.2] Về sự vắng mặt bị đơn: Anh Lò Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[1.3] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Lương Thị M về ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Lò Văn Đ và các tài liệu chứng cứ kèm theo. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Lò Văn Đ có nơi cư trú tại bản Chăn, xã Quài Nưa, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

[2] Về áp dụng pháp luật: Chị Lương Thị M và anh Lò Văn Đ kết hôn năm 2013. Tòa án áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị M và anh Lò Văn Đ kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quài Nưa huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên, căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 57 ngày 31/12/2013 của UBND xã Quài Nưa (BL 02). Chị M thừa nhận hai người kết hôn tự nguyện, không ai ép buộc hoặc lừa dối. Xác định quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh Đ là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình 2000.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Theo kết quả xác minh đối với gia đình và địa phương nơi cư trú, **nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Chị M đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị M sinh sống từ khoảng tháng 3 năm 2014, vợ chồng anh chị đã sống ly thân được khoảng 7 năm đến 8 năm nay** (BL 47, 49, 51). Hội đồng xét xử xét thấy do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên đời sống chung thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt nên chị M không muốn duy trì hôn nhân với anh Đ và đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và sống ly thân **được khoảng 7 năm đến 8 năm nay** là có căn cứ. Từ khi sống ly thân anh chị đã “bỏ mặc cho nhau muốn sống ra sao thì sống”, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 17, 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ những phân tích trên thể hiện hôn nhân của chị M, anh Đ lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu

ly hôn với anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị M.

[4] Về con chung: Chị M, anh Đ có một người con chung là cháu Lò Thị N, sinh ngày 25/10/2012. Chị M đề nghị giao con cho anh Lò Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lương Thị M chưa cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy qua xác minh tại gia đình và địa phương cho thấy từ tháng 3 năm 2014 do vợ chồng mâu thuẫn nên chị M đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ (ông Lương Văn C, bà Lò Thị L) sinh sống. Con chung của anh chị cháu Lò Thị N do anh Lò Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến nay. Hiện nay cháu Lò Thị N đang ở cùng anh Lò Văn Đ và bà nội (bà Lò Thị Th) tại bản C, xã Q, huyện T; theo bà Lò Thị Th thì anh Lò Văn Đ đi làm công nhân ở thành phố Hà Nội và hàng tháng đều gửi tiền 4.000.000đồng/tháng để bà chăm lo cho cháu Lò Thị N (BL 47, 49), nguyện vọng của con muốn ở cùng với anh Lò Văn Đ, không đồng ý ở với chị M. Còn chị Lương Thị M không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và hiện nay thường xuyên đi xuống các tỉnh miền xuôi làm công nhân, không ở địa phương. Căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh thực tế của hai bên, nguyện vọng của con và xem xét quyền lợi về mọi mặt cho con nên giao cho anh Lò Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp theo quy định tại Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 72, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, quá trình giải quyết vụ án anh Lò Văn Đ không đến Tòa án trình bày ý kiến và tham gia giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí: Chị Lương Thị M là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn đề nghị miễn án phí. Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lương Thị M.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo là phù hợp, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 69, 71, 72; khoản 1, khoản 2 Điều 81; 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lương Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị M được ly hôn anh Lò Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Thị N, sinh ngày 25/10/2012 cho anh Lò Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị Lường Thị M chưa được nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Lò Văn Đ có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; chị Lường Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị M thực hiện quyền này. Chị Lường Thị M và anh Lò Văn Đ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn. Khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lường Thị M được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lường Thị M, anh Lò Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- UBND xã Quài Nưa, huyện Tuần Giáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giàng A Tăng